

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/09/ 2020
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nông Trung Kiên

2. Bà: Bạc Thị Kiên

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/09/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/08/2020 và Q1 Đ hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn Q, sinh năm 1975.

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 26, phân trại I, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/7/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị P (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị P và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1996, nhưng đến ngày 21/8/2006 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên. Chị P và anh Q kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 01/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P phát hiện anh Q nghiện ma túy, gia đình cũng đã

động viên anh Q đi cai nghiện, nhưng không được. Đến tháng 7/2014 thì anh Q bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử 07 năm 06 tháng tù, hiện tại anh Q đang chấp hành án tại Đội 26, phân trại I, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Chị P xác Đ tình cảm giữa chị với anh Q không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải Q1 cho chị được ly hôn với anh Q.

Ngoài ra tại phiên tòa, chị P còn khai thêm trong thời gian anh Q đi chấp hành án, bản thân chị cũng bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên phạt 07 năm tù cũng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nguyên nhân do anh Q mua bán trái phép chất ma túy đã đổ lỗi cho cả chị, do vậy cả hai đều đi chấp hành án nên suốt 07 năm chị và anh Q không liên lạc và quan tâm gì tới nhau.

2. Về con chung: Chị P khai vợ chồng có 03 con chung Lường Thị Q1 - sinh ngày 05/5/1998, Lường Thị Đ - sinh ngày 20/01/2002 và Lường Thị T - sinh ngày 28/01/2005. Hiện cháu Q1 và cháu Đ đã thành niên và đi xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải Q1. Cháu Tâm chưa đến tuổi thành niên nên chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tâm cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng nương: Chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã có công văn số 200/CV, ngày 24/07/2020 gửi Trại giam Nà Tấu để nhờ Trại giam Nà Tấu tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và hướng dẫn anh Lường Văn Q viết bản tự khai. Tại bản tự khai ngày 12 tháng 08 năm 2020 anh Q đã khai và công nhận:

1. Về hôn nhân: Anh Q và chị P đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/8/2006. Kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng sinh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 08/7/2014 hai vợ chồng đều bị bắt và bị truy tố với tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nà Tấu, còn chị P đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lường Thị Q1 - sinh ngày 05/5/1998, Lường Thị Đ - sinh ngày 20/01/2002 và Lường Thị T - sinh ngày 28/01/2005. Hiện cháu Q1 và cháu Đ đã thành niên và đi xây dựng gia đình, cháu Tâm đã có công việc làm ổn Đ, để tự nuôi dưỡng bản thân.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải Q1.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2020, chính quyền địa phương xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Lò Thị P và anh Lương Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Điện Biên vào ngày 21/8/2006, kết hôn tự nguyện. Cả hai anh chị đều đăng ký hộ khẩu tại Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trong quá trình chung sống với nhau chị P và anh Q có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q có sử dụng chất ma túy, tháng 07/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử 07 năm 06 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện anh Q đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu. Chị P có làm đơn ra Tòa án huyện Điện Biên đề nghị giải Q1 ly hôn, vậy đề nghị Tòa án xem xét giải Q1 theo quy Đ của pháp luật.

Chị P và anh Q có 03 con chung là Lương Thị Q1 - sinh ngày 05/5/1998, Lương Thị Đ - sinh ngày 20/01/2002 và Lương Thị T - sinh ngày 28/01/2005. Cháu Q1 và cháu Đ đã trưởng thành đã đi lấy chồng. Cháu Tâm mới được 15 tuổi, cháu đang ở và sống cùng với chị P. Việc giao cháu Tâm cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho cháu được phát triển tốt về mọi mặt. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét giải Q1 theo đúng quy Đ của pháp luật.

Sau khi nhận được Q1 Đ đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 31/8/2020, anh Q không có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy phiên tòa được mở vào ngày 16/9/2020 đã được hoãn và được ấn Đ lại vào 08 giờ 00 phút ngày 28/9/2020 theo Q1 Đ hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST - HNGĐ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải Q1 vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải Q1 vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh Đức.

- Về con chung:

Chị P và anh Q có 03 con chung là Lương Thị Q1, sinh ngày 05/5/1998, cháu Lương Thị Đ, sinh ngày 20/01/2002 và cháu Lương Thị T, sinh ngày 28/01/2005. Cháu Q1 và cháu Đ đã trưởng thành đã đi xây dựng gia đình, nên chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1. lấy chồng. Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị HĐXX giao cháu Lương Thị T cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1 về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét giải Q1.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Chị P và anh Q không đề nghị Tòa án giải Q1.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho chị Lò Thị P.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Lò Thị P và anh Lương Văn Q thuộc thẩm quyền giải Q1 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy Đ tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Q1 Đ đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXX-HNGĐ và ngày 01/9/2020 Tòa án gửi Công văn số 1568/CV cùng Q1 Đ đưa vụ án ra xét xử nhờ Trại giam Nà Tấu tổng đạt trực tiếp cho anh Lương Văn Q đồng thời hướng dẫn anh Q viết đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đến ngày phiên tòa được mở vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 16/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên không nhận được ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa của anh Q. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Q1 Đ hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16/9/2020 được mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/9/2020 và đã gửi cho anh Lương Văn Q. Ngày 28/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm nhưng anh Q vẫn không có ý kiến gì. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai trong quá trình giải Q1 vụ án chị Lò Thị P và anh Lương Văn Q đều khai và công nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/8/2006. Kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc. Chị P cho rằng vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 01/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P phát hiện anh Q nghiện ma túy, gia đình cũng đã động viên anh Q đi cai nghiện, nhưng không được. Đến tháng 7/2014 thì anh Q bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 07 năm 06 tháng tù, hiện tại anh Q đang chấp hành án tại Đội 26, phân trại I, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngoài ra tại phiên tòa, chị P còn khai thêm trong thời gian anh Q đi chấp hành án, bản thân chị cũng bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên phạt 07 năm tù cũng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nguyên nhân do anh Q mua bán trái phép chất ma túy đã đổ lỗi cho cả chị, do vậy cả hai đều phải đi chấp hành án nên suốt 07 năm chị và anh Q không liên lạc và quan tâm gì tới nhau. Tuy nhiên phía anh Q lại cho rằng vợ chồng sống với nhau không có mâu thuẫn gì, ngày 08/7/2014 hai vợ chồng đều bị bắt và bị truy tố với tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nà Tấu, còn chị P đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống, nay chị P làm đơn xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải Q1 và tại phiên tòa Tòa án đã giải thích, động viên để chị P suy nghĩ lại, hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị và anh Q nhưng không có kết quả, chị P một mực cương Q1 xin ly hôn, vì tình cảm giữa chị và anh Q không còn nữa. Ngoài ra theo biên bản xác minh của

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại nơi cư trú của chị P và anh Q cho thấy nguyên nhân rạn nứt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q có sử dụng chất ma túy, tháng 07/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử 07 năm 06 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử xét thấy chị P và anh Q đã sống ly thân được 07 năm, trong thời gian ly thân đã không còn quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị P là phù hợp với qui Đ tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.2]. Về con chung: Chị P và anh Q đều khai và công nhận vợ chồng có 03 con chung là: Lường Thị Q1 - sinh ngày 05/5/1998, Lường Thị Đ - sinh ngày 20/01/2002 - Lường Thị T, sinh ngày 28/01/2005. Hiện cháu Q1 và cháu Đ đã thành niên và đi xây dựng gia đình, cháu Tâm mới được 15 tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1 đối với cháu Q1 và cháu Đ, cháu Tâm chưa đến tuổi thành niên nên chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tâm cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải Q1. Anh Q có ý kiến cho rằng cháu Tâm đã có việc làm ổn Đ và tự kiếm sống, nhưng anh Q không đưa ra quan điểm, nguyện vọng về việc nuôi con. Việc giao cháu Tâm cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, hoàn cảnh để cho cháu Tâm có cuộc sống ổn Đ và sự phát triển về mọi mặt của cháu được tốt hơn, anh Q hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Nà Tấu do vậy không đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tâm. Ngoài ra tại bản tự khai của cháu Tâm, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy nguyện vọng của cháu Tâm và chị P là phù hợp với quy Đ của pháp luật được quy Đ tại Điều 69, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên HĐXX chấp nhận với nguyện vọng của cháu Tâm và chị P. Giao cháu Lường Thị T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống bản thân. Đối với hai cháu Q1 và Đ đã thành niên, đã đi xây dựng gia đình, nên HĐXX không đặt vấn đề giải Q1.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải Q1, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q1 việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về quan hệ tài sản: Trong quá trình giải Q1 vụ án chị P và anh Q đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải Q1. Nên HĐXX không xem xét giải Q1.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy Đ thì chị Lò Thị P là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Q1 Đ số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên chị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Q1 Đ:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị T, sinh ngày 28/01/2005 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu Tòa án giải Q1.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy Đ tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể Q1 Đ thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Chị P và anh Q không yêu cầu Tòa án giải Q1.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy Đ thì chị Lò Thị P là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Q1 Đ số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên chị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/09/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, huyện Điện Biên
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	
	THẨM PHÁN	
	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	
		HỘI THẨM NHÂN DÂN

